

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-PT

NHÂN DANH

Ngày: 16/5/2019

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

*"Tranh chấp hợp đồng
tín dụng"*

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hà; bà Nguyễn Thị Thu Từ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Chung; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2019/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2019. Giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng x

Địa chỉ: Nhà C5, bán đảo L, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh B; Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng X huyện H, tỉnh Nghệ An. Theo văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25 tháng 11 năm 2016. Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Trần Thị Q, sinh năm 1961. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm 4, xã HT, huyện H, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đức N; tên gọi khác: Ngô Quang N. Theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 8 năm 2018.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Ngô Đức N, tên gọi khác: Ngô Quang N; sinh năm 1961. Địa chỉ: Xóm 4, xã HT, huyện H, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 7 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thanh B trình bày:

Bà Trần Thị Q (là người đại diện cho hộ gia đình) và ông Ngô Quang N (người thừa kế) đã ký kết các giao dịch vay vốn tại Ngân hàng X huyện H để phục vụ cho việc sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống. Theo đó bà Trần Thị Q đã đứng tên làm hồ sơ vay vốn 02 chương trình: hộ nghèo và nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn. Cụ thể:

- Khoản vay thứ nhất (vay vốn chương trình hộ nghèo): Ngày giải ngân khoản vay ngày 29/9/2007, số tiền vay 8.000.000đ (tám triệu đồng); Mục đích vay: Chăn nuôi bò sinh sản; Lãi suất 0,65%/tháng; lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay; thời hạn vay 36 tháng; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15/9/2010. Đến ngày hết hạn nhưng hộ bà Trần Thị Q không chấp hành việc trả nợ như cam kết. Ngày 16/9/2010, Ngân hàng X huyện H thực hiện chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay này.

Hiện hộ gia đình bà Trần Thị Q còn nợ Ngân hàng số tiền cụ như sau: Nợ gốc 8.000.000đ; lãi trong hạn từ ngày 29/9/2007 đến ngày 15/9/2010 là 1.847.733đ; lãi quá hạn từ ngày 16/9/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.985.333đ; số tiền lãi đã thanh toán 3.755.600đ; số tiền lãi còn phải trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.077.466đ.

- Khoản vay thứ hai (vay vốn chương trình nước sạch vệ sinh môi trường): Ngày giải ngân khoản vay 30/5/2008; số tiền vay 4.000.000đ (bốn triệu đồng); mục đích vay: xây dựng công trình nước sạch; lãi suất 0,9%/tháng; lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay; thời hạn vay 60 tháng; hạn trả nợ cuối cùng 15/5/2013. Đến ngày hết hạn nhưng hộ bà Trần Thị Q không chấp hành việc trả nợ như cam kết. Ngày 16/5/2015, Ngân hàng X huyện H thực hiện chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay thứ hai.

Hiện hộ gia đình bà Trần Thị Q còn nợ Ngân hàng số tiền như sau: Nợ gốc 4.000.000đ; lãi trong hạn từ ngày 30/5/2008 đến ngày 15/5/2013 là 2.250.000đ; lãi quá hạn từ ngày 16/5/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.057.600đ; số tiền lãi đã thanh toán 1.786.800đ; số tiền lãi còn phải trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.521.000đ.

Tổng nợ cả hai khoản vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 20.598.466đ (trong đó nợ gốc 12.000.000đ; nợ lãi 8.598.466đ).

Ngân hàng x đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị Q và ông Ngô Quang N phải trả nợ cho Ngân hàng x số tiền nợ của cả hai khoản vay là 20.598.000đ (hai mươi triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn đồng)

Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Ngô Đức N là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền

của bị đơn trình bày: Gia đình ông được vay vốn tại Ngân hàng X huyện H theo chương trình xóa đói giảm nghèo như sau:

- Ngày 29/9/2007 được vay 8.000.000đ; lãi suất trong hạn 0,65%; lãi suất quá hạn 130% lãi suất vay; thời hạn vay 03 năm; thời hạn trả đến ngày 25/9/2010.

- Ngày 28/5/2008 được vay 4.000.000đ, lãi suất 0,9%; lãi suất quá hạn 130% lãi suất vay; thời hạn vay 60 tháng; hạn trả nợ cuối cùng 15/5/2013.

Gia đình ông có thể chấp cho Ngân hàng X huyện H các tài sản gồm: 2.000m² đất nông nghiệp; 1,2 ha đất ao chăn nuôi ba ra HT và 05 gian nhà ngói. Việc thế chấp được đăng ký tại UBND xã HT, huyện H.

Sau khi được Ngân hàng X huyện H cho vay vốn theo đúng đối tượng, gia đình ông đã chấp hành nghĩa vụ trả tiền lãi suất hàng tháng (nộp tại tổ vay vốn xóm 4, xã HT, huyện H) cho đến ngày 15/10/2009. Sau ngày 15/10/2009 đến nay gia đình ông không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng X huyện H vì lý do: Ngày 15/10/2009 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HT ra Quyết định số 58/QĐ-CT.UBND về việc niêm yết thông báo số 51/TB-UBND về việc thanh lý vùng ao Bara và thi công đào mương lắp cống dẫn nước khu vực nhà máy nước sạch xã HT, huyện H. Vùng ao Bara xã HT là tài sản (gồm nhà ở, đất nông nghiệp) của gia đình ông đang trong thời hạn hợp đồng với Ngân hàng X huyện H, nhưng gia đình ông không được đền bù, không thuộc trường hợp vi phạm pháp luật vùng ao này. Nay Ngân hàng X huyện H yêu cầu gia đình ông phải trả số tiền này tổng hợp cả hai khoản vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20.598.000đ (trong đó nợ gốc 12.000.000đ; nợ lãi 8.598.466đ), ông có ý kiến như sau: Không phải gia đình ông cố ý chây ì không trả nợ mà do hiện gia đình ông đang khởi kiện vụ án hành chính đối với UBND xã HT, sau khi có kết quả giải quyết vụ án hành chính gia đình ông sẽ có nghĩa vụ, trách nhiệm trả tiền đầy đủ cả gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016, được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 162, 298, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Q và ông Ngô Đức Nhật phải trả cho Ngân hàng X tổng tiền nợ của cả hai khoản vay là

20.598.000đ (hai mươi triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn đồng), trong đó nợ gốc 12.000.000đ, lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 21/11/2018 là 8.598.266đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về lãi suất, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 03 tháng 12 năm 2018 ông Ngô Quang N kháng cáo, với nội dung: Đề nghị tuyên bố đơn khởi kiện của Ngân hàng X đã hết thời hiệu; Tuyên bố vô hiệu lãi suất nợ quá hạn phạt 130% lãi suất khi cho vay (0,65%/tháng) tại hợp đồng tín dụng ngày 29/9/2007.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngô Quang N giữ nguyên nội dung: kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết lại.

Đại diện Ngân hàng không chấp nhận nội dung kháng cáo, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi liên quan và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Ngô Quang N thấy rằng:

Cấp sơ thẩm có một số thiếu sót, vi phạm, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ngô Quang N: Hủy án sơ thẩm, trả hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung kháng cáo của ông Ngô Quang N đề nghị tuyên bố thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn đã hết thời hiệu, thấy rằng: Các bên đương sự đã xác lập ký kết 02 hợp đồng tín dụng: Hợp đồng thứ nhất xác lập ngày 29/9/2007. Ngày kết thúc việc trả nợ 15/9/2010; Hợp đồng thứ hai xác lập ngày 31/5/2008. Ngày kết thúc việc trả nợ: 15/5/2013.

Theo quy định tại Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện đối với Hợp đồng dân sự là 02 năm kể từ ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm nên: Đối với hợp đồng thứ nhất thì ngày hết thời hiệu khởi kiện là ngày 15/9/2012. Đối với hợp đồng thứ hai ngày hết thời hiệu khởi kiện là ngày 15/5/2015. Tuy nhiên, cả 02 giao dịch dân sự trên các bên đương sự có thỏa thuận lãi suất quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay có nghĩa là kể từ khi đến hạn thanh toán nếu bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì toàn bộ số nợ sẽ chuyển sang nợ quá hạn và tính lãi suất theo nợ quá hạn đến khi tất toán xong khoản nợ. Đây là thỏa thuận chấp nhận kéo dài thời hạn trả nợ đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Ngô Đức N và bà Trần Thị Q đã thừa nhận có vay của Ngân hàng X huyện H 02 khoản vay trên và gia đình ông Nhật, bà Quế chưa trả được đồng nào tiền gốc, chỉ mới trả tiền lãi suất đối với 02 khoản vay trên đến ngày 15/10/2009. Đồng thời, ông N cũng thừa nhận 02 khoản vay trên tại cuộc làm việc giữa đại diện Ngân hàng X huyện H với đại diện hộ gia đình ông N, bà Q ngày 16/11/2017 (BL 05)

Vì vậy, theo quy định tại Điều 162 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại trong trường hợp bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện. Nên thời hiệu khởi kiện trong vụ án được bắt đầu lại kể từ ngày ông N, bà Q thừa nhận khoản nợ.

Do đó, vụ án đang còn thời hiệu khởi kiện.

[1] Về chủ thể vay vốn: Ông N cho rằng ông là chủ hộ gia đình và bà Q đứng tên chủ hộ để vay tiền mà Ngân hàng vẫn cho vay là sai chủ thể. Xét: Ông N và bà Q là vợ chồng, ai cũng có quyền đại diện hộ gia đình để vay vốn. Mặt khác trong việc giao dịch ký kết vay vốn bà Q đứng tên là chủ hộ, ông N ký với tư cách là người thừa kế. Khi ký kết ông bà không có ý kiến gì. Nên nội dung kháng cáo này là không đúng pháp luật.

- Không đưa các con ông N tham gia tố tụng: 02 lần ký kết vay vốn, ông N và bà Q đứng ra vay tiền. Ông bà có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng là đúng. Mặt khác ông N, bà Q có 2 con, lúc ông bà vay con gái mới 12 tuổi, sống phụ thuộc bố mẹ nay đã đi lấy chồng, anh Đ trình bày tại Tòa án sơ thẩm, anh không liên quan đến 02 khoản nợ mà bố mẹ anh đã vay của Ngân hàng X. Án sơ thẩm không đưa các con ông N tham gia tố tụng là đúng pháp luật, và không làm thiệt hại quyền lợi của các con ông N, bà Q.

[2] Về các khoản vay: Các bên đương sự đã xác nhận có 02 khoản vay và tính đến ngày xét xử sơ thẩm chưa trả được đồng nào tiền gốc, cụ thể:

Khoản vay thứ nhất được Ngân hàng X huyện H giải ngân ngày 29/7/2007 với số tiền 8.000.000đ; mục đích vay: Chăn nuôi bò sinh sản; lãi suất 0,65%/tháng; lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay; thời hạn vay 36 tháng; kỳ hạn trả nợ 12 tháng/1 lần; hạn trả nợ cuối cùng 15/9/2010;

Khoản vay thứ nhất được Ngân hàng X huyện H giải ngân ngày 30/5/2008 với số tiền 4.000.000đ; mục đích vay: Xây dựng công trình nước sạch; lãi suất 0,9%/tháng; lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay; thời hạn vay 66 tháng; kỳ hạn trả nợ 06 tháng/1 lần; hạn trả nợ cuối cùng 15/5/2013;

Tổng số nợ gốc của 02 khoản vay là 12.000.000đ.

Về yêu cầu trả tiền lãi suất trong hạn và quá hạn:

- Đối với khoản vay thứ nhất (vay chương trình hộ nghèo): Do các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 0,65%/tháng và lãi suất quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay nên lãi được tính như sau:

Số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 29/9/2007 đến ngày 15/9/2010: $8.000.000đ \times 0,65\%/tháng \times 1.066 \text{ ngày} = 1.847.733 \text{ đồng}$.

Lãi quá hạn tính từ ngày: 16/9/2010 đến ngày 21/11/2018: $8.000.000đ \times 0,845\%/tháng \times 3.100 \text{ ngày} = 6.985.333 \text{ đồng}$

Cộng: 8.833.066 đồng

Số tiền lãi bà Q và ông N đã thanh toán: 3.755.600 đồng. Nay còn phải thanh toán: 5.077.466 đồng.

- Đối với khoản vay thứ hai (vay chương trình nước sạch): Do các bên có thỏa thuận lãi suất trong hạn là 0,9% tháng và lãi suất quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay nên lãi được tính như sau:

Lãi trong hạn được tính từ ngày 30/5/2008 đến ngày 15/5/2013 là: $4.000.000đ \times 0,9\%/tháng \times 1.875 \text{ ngày} = 2.250.000 \text{ đồng}$

Lãi quá hạn được tính từ ngày 16/5/2013 đến ngày 21/11/2018 là: $4.000.000đ \times 1,17\%/tháng \times 1.960 \text{ ngày} = 3.057.600 \text{ đồng}$.

Cộng: 5.307.600 đồng.

Số tiền lãi bà Q và ông N đã thanh toán: 1.786.800 đồng. Nay còn phải thanh toán: 3.520.800 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi còn phải thanh toán của hai khoản vay: 8.598.266 đồng.

Ông N đề nghị tuyên bố vô hiệu lãi suất nợ quá hạn phạt 130% lãi suất khi cho vay (0,65%/tháng) tại hợp đồng tín dụng ngày 29/9/2007 (khoản vay thứ nhất), thấy rằng: Khi làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng X huyện H (gọi tắt là Ngân hàng) bà Trần Thị Q và ông Ngô Quang N đã tham gia ký kết các loại giấy tờ để làm thủ tục vay vốn trên tinh thần tự nguyện, không ai bị ép buộc, khi ký kết ông N, bà Q cũng đã biết rõ lãi suất vay trong hạn và lãi quá hạn phải trả cho Ngân hàng. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông N.

Ông N cho rằng: Vợ chồng ông có một số tài sản như ao thả cá, UBND xã HT đang giải quyết theo hướng thanh lý thu hồi, đây là tài sản như là tài sản thế chấp và ông đang yêu cầu giải quyết, giải quyết xong thì ông mới trả nợ. Xét đây không phải là tài sản thế chấp vay Ngân hàng, nên việc gia đình ông đề nghị giải quyết ao cá đó không liên quan đến việc trả nợ cho Ngân hàng nên không cần chờ kết quả giải quyết ao cá mới giải quyết vụ án dân sự này.

[3]Về ý kiến của Kiểm sát viên cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm một số vấn đề như: Chấp nhận người ủy quyền của Ngân hàng là không đúng, thu tạm ứng án phí không đúng. Đề nghị hủy án sơ thẩm.

Xét: Ngân hàng X có đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc và Tổng giám đốc ủy quyền ủy quyền cho giám đốc Phòng giao dịch cấp huyện tham gia tố tụng, về bản chất pháp nhân ủy quyền hay Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật ủy quyền là không thay đổi, nên không cần hủy án vì lý do này.

[4] Về án phí: Ngân hàng X khởi kiện vụ án để thu hồi khoản nợ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác thì thuộc diện không phải nộp tiền tạm ứng án phí. Tuy nhiên cấp sơ thẩm đã thu tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là chưa đúng, cần rút kinh nghiệm.

Ông N kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu án phí theo qui định của pháp luật (hiện nay gia đình ông N không thuộc diện hộ nghèo)

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Ngô Đức N; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016, được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ Điều 162, 298, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Q và ông Ngô Đức N phải trả cho Ngân hàng x tổng tiền nợ của cả hai khoản vay là 20.598.000đ (hai mươi triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn đồng), trong đó nợ gốc 12.000.000đ, lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 21/11/2018 là 8.598.266đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông N, bà Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Q và ông Ngô Đức N phải chịu 1.029.000đ;

Án phí phúc thẩm: Ông Ngô Đức N phải chịu 300.000đ, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông N đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Nguyên theo biên lai thu số 0003950 ngày 04 tháng 12 năm 2018.

Trả lại cho Ngân hàng X số tiền 1.830.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan thi hành án huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0003817 ngày 19/7/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Hưng Nguyên
- THADS huyện Hưng Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VPTA.

Nguyễn Đăng Phồn